TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2021/HS-ST Ngày: 14 - 9 - 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Hà Vính, ông Đào Quang Tuấn

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Ông Đoàn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2021/TLST-HS, ngày 27/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HS, ngày 30/8/2021 đối với bị cáo:

Bùi Văn T; sinh ngày: 24/4/2001; tại xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn E, xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 08/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1; con bà: Nguyễn Thị L; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; vợ, con: chưa có ; Tiền án, tiền sự: Không ; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

* Bị hại: Anh Bùi Văn Đ; sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn E, xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Chu Văn P; sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn KT, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T sinh năm 2001 và anh Bùi Văn Đ sinh năm 1989 cùng trú tại thôn E, xã TL, huyện T có quan hệ anh em họ hàng với nhau (T gọi anh Đ là anh). Tối ngày 22/7/2021, sau khi đi chơi về, Bùi Văn T đi bộ đến quán cắt tóc tại nhà ở của anh Bùi

Văn Đ để chơi và ngủ lại. Khi đến quán T thấy cửa mở và anh Đ không có ở đây nên đi vào bên trong quán và lên nằm tại giường ngủ đặt trên gác xép của quán. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, anh Đ đi về đến quán và nhìn thấy T đang ngủ trên giường ngủ của mình nên đã đóng cửa quán và lên giường nằm ngủ với T. Trước khi ngủ, anh Đ để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 màu xanh dương của mình ngay bên cạnh vị trí nằm ngủ.

Đến khoảng 06 giờ 30 ngày 23/7/2021, T tỉnh dậy và nhìn thấy anh Đ đang nằm ngủ say bên cạnh mình. Lúc này, T phát hiện chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 của anh Đ đang để ngay bên cạnh vị trí anh Đ nằm ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy, T đã cầm lấy chiếc điện thoại trên, mở cửa đi bộ ra đường tỉnh lộ, sau đó đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông lạ mặt đến nhà anh Bùi Văn T2, sinh năm 1979 ở thôn TM, xã TL, làm nghề lái xe taxi. Khi gặp anh Toàn, T nhờ anh Toàn chở xuống thị trấn KT để đi chơi. Tuy nhiên, do vừa uống rượu xong nên anh Toàn từ chối, đồng thời gọi điện nhờ anh Nguyễn Đình T3, sinh năm 1984 ở cùng thôn, cũng làm nghề lái xe taxi đến chở T đi. Anh T3 đồng ý và điều khiển xe ô tô của mình chở T đi đến thị trấn KT. Khi đến thị trấn KT, T nói anh T3 chở đến cửa hàng điện thoại "Đại P" của anh Chu Văn P, sinh năm 1972 ở khu 5 thị trấn KT. Khi đến nơi, anh T3 chờ ở bên ngoài, còn T đi bộ vào bên trong quán gặp anh P, sau đó bán chiếc điện thoại trộm cắp được của anh Đ cho anh P với giá 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng). Sau khi bán được điện thoại, T quay lại xe và nói anh T3 chở mình đi đến khu phố Phố Cát, thị trấn Vân Du. Đến nơi, T xuống xe và thanh toán số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) cho anh T3. Sau đó, T đi nhờ xe của người đi đường đến khu vực nhà máy thuốc lá thuộc địa phận thị trấn HT, huyện HT mua của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ một gói ma Ty với giá 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), rồi quay về nhà mình. Số ma túy mua được T đã sử dụng hết cho bản thân, số tiền còn lại sau khi trả tiền mua ma túy, T mua đồ ăn uống và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 28/7/2021, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, T đã đến Công an xã TL đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của bản thân.

Tại Kết luận định giá số 31/KL-HĐĐGTS ngày 02/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận, tại thời điểm bị chiếm đoạt, tài sản yêu cầu định giá có giá trị 3.419.000đ (ba triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng).

Về phần bồi thường T đã nhờ bố đẻ là ông Bùi Văn T1 thống nhất bồi thường cho anh Đ số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Anh Đ đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu T phải bồi thường thêm khoản nào khác và có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho T.

Quá trình điều tra xác định anh Chu Văn P mua chiếc điện thoại của T, T nói chiếc điện thoại là của mình nên anh P không biết chiếc điện thoại di động đã mua của T là do trộm cắp mà có. Sau khi mua, anh P đã bán lại chiếc điện thoại cho một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ và cũng không nhớ đã bán chiếc điện thoại trên với giá

bao nhiêu. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét xử lý về hành vi của anh P. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Bùi Văn T, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được người đàn ông có các đặc điểm như T khai báo nên đã tách hồ sơ để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 của anh Đ, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSTT ngày 25/8/2021, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành án từ ngày tạm giữ tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, Bị cáo đã nhờ bố đẻ là ông Bùi Văn T1 thống nhất bồi thường cho anh Đ số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Anh Đ đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Chu Văn P không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định Bùi Văn T hiện sống cùng nhà của bố mẹ ở thôn E, xã TL, không có công việc, thu nhập ổn định và không có tài sản chung, tài sản riêng nên đại diện VKSND đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và không có ý kiến tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23/7/2021, tại quán cắt tóc của anh Bùi Văn Đ ở thôn E, xã TL, huyện T, Bùi Văn T đã có hành vi lén lút, trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 màu xanh dương có giá trị 3.419.000đ (ba triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) của anh Đ, sau đó đem bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 28/7/2021, Bùi Văn T đến Công an xã TL đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của bản thân. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sat nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Bùi Văn T thực hiện. Tuy nhiên bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo đã sử dụng số tiền trộm cắp được để đi mua ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, đây là một trong những nguyên nhân làm phát sinh hành vi phạm tội và cũng là mầm mống làm phát sinh các loại tội phạm khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, T1 ẩn nhiều nguy cơ làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nên cần thiết phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ thời gian cải tạo bị cáo thành công dân có ích.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tiết giảm nhẹ là "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả" được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS và sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh về tài sản, thu nhập, xác định Bùi Văn T hiện sống cùng nhà của bố mẹ, không có công việc, thu nhập ổn định và không có tài sản chung, tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối với ông Chu Văn P là người đã mua lại chiếc điện thoại do bị cáo trộm cắp được, nhưng do ông P lúc mua chiếc điện thoại này đã không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên đã mua lại. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Chu Văn P là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại đã được bồi thường đủ và có đơn đề nghị giảm trách nhiệm hình sự, đến nay người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/07/2021.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Công nhận phần dân sự đã giải quyết xong.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-Công an huyện T;
- Đội THAHS công an T;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quân